

Số: 109/QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra
chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ Thông tin

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN ngày 01/10/2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ Thông tin, mã số: 7480201 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm học 2025 - 2026.

Điều 3. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa Cơ bản và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu: TC-HC, Khoa CB.



GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Hải Đăng

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Ban hành theo Quyết định số 109/QĐ-HVTTNVN ngày 24 tháng 02 năm 2025 của
Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Công nghệ Thông tin
- + Tên tiếng Anh: Information Technology
- + Mã số ngành đào tạo: 7480201
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo chuẩn khoá học: 4 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo; có ý thức trách nhiệm; có ý thức phục vụ nhân dân phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức sâu trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, có khả năng tham mưu, tư vấn thực hiện với vai trò một chuyên viên Công nghệ thông tin, có khả năng nghiên cứu và áp dụng công nghệ thông tin trong công việc.

PO2: Có khả năng thực hành, nghiên cứu về CNTT; có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy khoa học, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

PO3: Có hiểu biết nền tảng về triết học, hệ thống chính trị Việt Nam, tổ chức Đoàn; Có phẩm chất đạo đức, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1: Hiểu được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nắm vững kiến thức cơ bản về tổ chức Đoàn, Hội, Đội, lý luận và nghiệp vụ công tác Đoàn, Hội, Đội.

PLO2: Nắm vững các kiến thức cơ bản, cơ sở của ngành Công nghệ thông tin, nắm vững kiến thức một chuyên sâu của một chuyên ngành.

PLO3: Nắm vững kiến thức phân tích, thiết kế, xây dựng, và phát triển phần mềm ứng dụng cho các bài toán thực tiễn. Áp dụng được kiến thức đã học để xây dựng, triển khai các phần mềm thực tế.

PLO4: Nắm vững kiến thức sử dụng, quản lý, điều hành và tổ chức triển khai các phần mềm ứng dụng.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO5: Có kỹ năng vận dụng kiến thức triết học, pháp luật trong cuộc sống; có kỹ năng phân tích, đánh giá, phản biện xã hội.

PLO6: Có kỹ năng khảo sát, phân tích, thiết kế và xây dựng được hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin.

PLO7: Có kỹ năng nghiên cứu, tìm hiểu và áp dụng và chuyển giao các công nghệ hiện đại của Công nghệ thông tin vào các lĩnh vực khác.

PLO9: Có kỹ năng tìm kiếm, phân tích, đánh giá cơ hội, kỹ năng giao tiếp, phối hợp và giúp đỡ người khác trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO9: Có kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm; Có kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề.

PLO10. Có khả năng sử dụng, quản lý và triển khai các hệ thống dịch vụ công, chính phủ điện tử, tham gia chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, tổ chức.

PLO11. Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014.

3.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm (TC)

PLO12: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, dễ thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức và kinh nghiệm; dám chịu trách nhiệm.

PLO13: Có khả năng tự định hướng, tự quyết, tự đánh giá cải tiến hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; Có tư duy phản biện, dám nghĩ, dám làm và bảo vệ được quan điểm của cá nhân, đơn vị.

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại những vị trí sau:

- Lập trình viên ứng dụng web.

- Lập trình viên phát triển hệ thống
- Lập trình viên ứng dụng di động.
- Quản trị viên hệ thống mạng máy tính.
- Tư vấn viên trong ngành công nghệ thông tin.
- Chuyên viên phân tích dữ liệu
- Chuyên viên an ninh mạng.
- Giáo viên, giảng viên giảng dạy công nghệ thông tin.
- Nghiên cứu viên trong ngành trí tuệ nhân tạo, học máy.

5. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

5.1 Ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra vào mục tiêu chương trình đào tạo

STT	Mã CDR	PO1	PO2	PO3
1	PLO1	3	1	0
2	PLO2	0	1	3
3	PLO3	3	2	0
4	PLO4	3	1	0
5	PLO5	3	1	0
6	PLO6	3	1	0
7	PLO7	3	3	0
8	PLO8	0	2	2
9	PLO9	0	3	1
10	PLO10	3	1	0
11	PLO11	3	1	0
12	PLO12	0	3	1
13	PLO13	0	2	1

Ghi chú: 0: không có đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao

5.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

TT	HP	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
1	Pháp luật đại cương	3				3				2		3	1	
2	Triết học Mác-Lênin	3						2				3	1	
3	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3								3	2	3	2	
4	Chủ nghĩa xã hội Khoa học	3								3		3	1	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3								3	2	3	1	
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3								3	2	3	3	
7	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3								3		3	1	
8	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	3								3		3	3	
9	Toán cao cấp 1		3				3					3	3	
10	Toán cao cấp 2		3					3				2	3	
11	Xác suất thống kê		3				3					2	3	
12	Tiếng Anh 1							2	2	2		2	3	3
13	Tiếng Anh 2							2	2	2		2	3	3
14	Tin học cơ sở		2	3	2		2	3	2	2	2	1	3	
15	Khởi nghiệp thanh niên	3			2				3	2		2	3	
16	Toán rời rạc		3				3	2		1		2	3	
17	Lập trình Python		3	3			3	2		1		1	3	
18	Cấu trúc dữ liệu và giải		3	2	2		3	2		1		1	3	

TT	HP	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
	thuật													
19	Cơ sở dữ liệu	3	3	3			3	3		3		2	3	
20	Công nghệ phần mềm	3	3	3			3	3		1		3	1	
21	Mạng máy tính	3	3	3			3	3		1		3	1	
22	Phát triển ứng dụng trên nền Web	3	3	3			3	3		3		1	3	
23	Công nghệ .NET	3	3	3			3	3		1		1	3	
24	Kiến trúc máy tính	3	3				3			1		2	2	
25	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin			3	3							3	1	
26	Lập trình hướng đối tượng	3	3	3			3	3		1		3	2	
27	Tiếng anh chuyên ngành							2		2		1	2	3
28	Kiến trúc và thiết kế phần mềm			3			3			2		1	1	
29	Trí tuệ nhân tạo	3	3				3	2		2		2	2	
30	Học máy	3	3				3	3		3		2	3	
31	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	3	3				3	3				2	2	
32	Xử lý ảnh	3	3				3	3		1		2	2	
33	An toàn và bảo mật thông tin	3	3				3	3		1		3	1	
34	Thực tập chuyên đề CNTT			3				3		3		2	2	
35	Kỹ thuật điện tử số	3	3	2				3		2		2	1	
36	Linux và phần mềm mã	3	3	3			3	3		2		2	1	

TT	HP	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
	nguồn mở													
37	Phát triển hệ thống thương mại điện tử		3				3	3		2		2	3	
38	Công nghệ Java		3	3				3		3		1	3	
39	Lập trình phần mềm nhúng		3					3		2		1	2	
40	Phát triển ứng dụng hệ thống nhúng và IoT		3	3				3		2		1	2	
41	Lập trình đa nền tảng		3	3				3				1	2	
42	Quản lý dự án công nghệ thông tin		3	3				3	3	1		1	2	
43	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm		3	3				3		1		1	2	
44	Cơ sở dữ liệu nâng cao		3	3			3	3		2		2	2	
45	Thiết kế giao diện người máy		3	3			3	3				2	2	
46	Lập trình mạng căn bản		3					3		1		1	1	
47	Mạng không dây và di động		3	3			3	3		3		1	1	
48	Thiết kế mạng		3	3			3	3		3		2	2	
49	Thực hành Quản trị mạng		3	3			3	3		1		1	2	
50	Khai phá dữ liệu		3	3			3	3		1		1	2	
51	Dữ liệu lớn		3	3			3	3		2		1	2	
52	Công nghệ xử lý dữ liệu lớn		3	3			3	3				2	1	
53	Mạng nơron và ứng dụng		3	3			3	3				2	2	
54	Thực tập tốt nghiệp công		3	3			3	3		3		3	3	

TT	HP	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
	nghệ thông tin													
55	Học phần Tốt nghiệp		3	3			3	3		3		3	3	

Ký hiệu ma trận: 3 là cao, 2 là vừa, 1 là thấp. Học phần (HP)

6. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra

6.1. Kế hoạch thực hiện để đạt chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

6.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam./.

GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Hải Đăng